

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Cúc**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP  
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Cúc  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Cúc Mã SV:1212401075

Lớp: QT1603K Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
  - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng
  - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng trong 3 năm gần đây.
  - Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một số đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp
- Định hướng và mô tả phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

**Nguyễn Thị Cúc**

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

**ThS. Nguyễn Đức Kiên**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận : Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế : Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong công việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....  
.....  
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

**Cán bộ hướng dẫn**

**Ths.Nguyễn Đức Kiên**

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu .....	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài .....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài .....	1
4. Phương pháp nghiên cứu .....	1
5. Kết cấu của khóa luận .....	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP .....	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Bán hàng .....	3
1.1.2 Doanh thu.....	3
1.1.3 Doanh thu thuần.....	3
1.1.4 Thời điểm ghi nhận doanh thu .....	3
1.1.5 Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu .....	5
1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	5
1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất – kinh doanh .....	7
1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	7
1.5.1.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	7
1.5.1.2 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp .....	8
1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.5.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	9
1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.5.3.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho .....	11
1.5.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	12
1.5.3.3 Phương pháp hạch toán .....	13
1.5.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....	14
1.5.4.1 Kế toán chi phí bán hàng .....	14
1.5.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	15
1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	17

1.6.1 Chứng từ sử dụng: .....	17
1.6.2 Tài khoản sử dụng.....	17
1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác .....	19
1.7.1 Chứng từ sử dụng.....	19
1.7.2 Tài khoản sử dụng.....	19
1.7.3 Phương pháp hạch toán.....	21
1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	22
1.8.1 Chứng từ sử dụng:.....	22
1.8.2 Tài khoản sử dụng:.....	22
1.8.3 Phương pháp hạch toán.....	23
1.9 Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán .....	24
1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung. ....	24
1.9.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.....	25
1.9.3 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	26
1.9.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	27
1.9.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG.....</b>	<b>29</b>
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí .....	29
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	29
2.1.2. Đặc điểm để tổ chức kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	30
2.1.3 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	30
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	31
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	31
2.1.5.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	31
2.1.5.2 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng: .....	32



2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng .....	34
2.2.1 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng .....	34
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	34
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	42
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty ....	48
TNHH Gas petrolimex Hải Phòng .....	48
2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty.....	56
TNHH Gas petrolimex Hải Phòng .....	56
2.2.3 Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH.....	59
Gas petrolimex Hải Phòng .....	59
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG .....</b>	<b>68</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	68
3.1.1. Ưu điểm.....	68
3.1.2. Nhược điểm.....	69
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	70
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.....	71
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng .....	71
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng. ....	79
3.5.1 Về phía Nhà nước.....	79
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	79
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>81</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>82</b>

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
Sơ đồ 1.2. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.3. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
Sơ đồ 1.4. Hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	16
Sơ đồ 1.5. Hạch toán chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	18
Sơ đồ 1.6. Hạch toán doanh thu và kết quả hoạt động tài chính.....	19
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí và kết quả hoạt động khác.....	21
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập và kết quả hoạt động khác.....	22
Sơ đồ 1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	23
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.....	25
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	26
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	27
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán trên máy tính.....	28
Bảng 2.1: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Gas Petrolimex trong 2 năm 2014 - 2015.....	29
Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	35
Biểu số 2.2: Phiếu thu số 01/09.....	36
Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001515.....	37
Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001516.....	38
Biểu số 2.5: Giấy báo Có 0596.....	39
Biểu số 2.6: Trích sổ nhật ký chung.....	40
Biểu số 2.7 Trích sổ cái TK 511.....	41
Biểu số 2.8 Phiếu xuất kho số 01/09.....	42
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 11/09.....	43
Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho số 12/09.....	44
Biểu 2.11: Trích sổ chi tiết hàng hoá.....	45
Biểu số 2.12 Trích sổ nhật ký chung.....	46

Biểu số 2.13: Trích sổ cái TK 632.....	47
Biểu số 2.14: Bảng phân bổ lương .....	49
Biểu số 2.15: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.....	50
Biểu số 2.16: Hoá đơn GTGT số 0001570 của Điện lực Lê Chân.....	51
Biểu số 2.17 Phiếu chi số 18/09 .....	52
Biểu số 2.18: Trích sổ nhật ký chung.....	53
Biểu số 2.19: Trích sổ cái TK 641 .....	54
Biểu số 2.20: Trích sổ cái TK 642.....	55
Biểu số 2.21: Giấy báo Có 0887 .....	56
Biểu số 2.22:Trích sổ nhật ký chung.....	57
Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 515.....	58
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 20 .....	59
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 21 .....	60
Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung .....	61
Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911.....	62
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 22 .....	63
Biểu số 2.29: Sổ cái TK 821.....	63
Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 23 .....	64
Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 24 .....	64
Biểu số 2.32: Sổ cái TK 421.....	65
Biểu số 2.33: Bảng cân đối tài khoản.....	66
Biểu 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	67
Biểu số 3.1 Sổ chi tiết bán hàng .....	77
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	78

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập, tính cạnh tranh trên thị trường càng ngày càng gay gắt về mọi khía cạnh, vì vậy đối với các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh việc tối đa hóa doanh thu – tối thiểu hóa chi phí luôn là vấn đề nhức nhối và được quan tâm hàng đầu. Nhưng để làm được điều này không phải dễ dàng, các doanh nghiệp phải luôn luôn nỗ lực phấn đấu trong quá trình quản lý, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì thế việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề rất quan trọng, bức thiết, nó góp phần cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Nhận thức được vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng”**.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Tìm hiểu và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.
- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Đối tượng nghiên cứu:* Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.
- *Phạm vi nghiên cứu:* Tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng năm 2015.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

### 5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

##### 1.1.1 Bán hàng

Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, nó là quá trình chuyển đổi từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ và kết thúc.

##### 1.1.2 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

##### 1.1.3 Doanh thu thuần

Doanh thu thuần là doanh thu thực tế doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán. Doanh thu thuần (=) tổng doanh thu (-) các khoản giảm trừ. Các khoản giảm trừ bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và các khoản thuế ( thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp).

##### 1.1.4 Thời điểm ghi nhận doanh thu

Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua.

Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ.

Trường hợp thời điểm lập hoá đơn xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu được tính theo thời điểm lập hoá đơn.

##### 1.1.5 Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, cung ứng lao vụ dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là "Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh".

***Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần - (Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)***

- **Hoạt động tài chính và kết quả hoạt động tài chính:**

Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

***Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính***

- **Hoạt động khác và kết quả hoạt động khác**

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, các hoạt động khác như: thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xoá sổ,...

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

***Kết quả hoạt động khác = Thu nhập hoạt động khác - Chi phí hoạt động khác***

## 1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Các điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

- **Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận thỏa mãn tất cả điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## 1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.



- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK5114- Doanh thu trợ cấp trợ giá.

#### **1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để xử lý, hệ thống hoá, cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

## **1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất – kinh doanh**

### **1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### *1.5.1.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng*

##### *a. Chứng từ sử dụng:*

+ Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

+ Hóa đơn bán hàng

+ Phiếu xuất kho

+ Phiếu thu tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng

##### *b. Tài khoản sử dụng:*

#### **- Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị sản phẩm, hàng hóa dịch vụ mà doanh nghiệp đã bán, đã cung cấp cho khách hàng được xác định là tiêu thụ.

- Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.
- + Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.
- + Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

#### *1.5.1.2 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp*

##### **\* Tiêu thụ hàng hóa theo phương thức xuất kho gửi hàng đi bán :**

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng ( hàng hóa ) gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

##### **\* Tiêu thụ hàng hóa theo phương thức bên mua đến nhận hàng trực tiếp**

Căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và hàng đó được xác định là tiêu thụ và được hạch toán vào doanh thu.

Chứng từ bán hàng trong phương thức này cũng là phiếu xuất kho kiêm hóa đơn bán hàng, trên chứng từ bán hàng đó có chữ ký của khách hàng nhận hàng.

##### **\* Tiêu thụ hàng hóa theo phương thức bán hàng giao thẳng ( không qua kho):**

Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng của người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Như vậy, nghiệp vụ mua và bán xảy ra đồng thời. Trong phương thức này có thể chia thành hai trường hợp:

Trường hợp bán thẳng cho người mua: tức là khi gửi hàng đi bán thì hàng đó chưa được xác định là tiêu thụ (giống như phương thức xuất kho gửi hàng đi bán ).

Trường hợp bán hàng giao tay ba: tức là cả bên cung cấp (bên bán), doanh nghiệp và người mua cùng giao nhận hàng mua, bán với nhau. Khi bên mua hàng nhận hàng và ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng thì hàng đó được xác định là tiêu thu. Chứng từ bán hàng trong phương thức này là Hóa đơn bán hàng giao thẳng.

**\*Phương thức bán hàng trả góp:**

Bán hàng trả góp là việc bán hàng thu tiền nhiều lần. Sản phẩm hàng hóa khi giao cho người mua thì được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần, số tiền thanh toán chậm phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định.

**1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.5.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng**

**a. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn Giá trị gia tăng.
- Hóa đơn bán hàng.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

**b. Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 521 - các khoản giảm trừ doanh thu**

bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 : Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán
- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước**
- Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng
- Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

**Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại**

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán hàng giữa các bên.

**Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại**

- Hàng bán bị trả lại: Giá trị của số sản phẩm đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân vi phạm cam kết hoặc hợp đồng kinh tế như hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán**

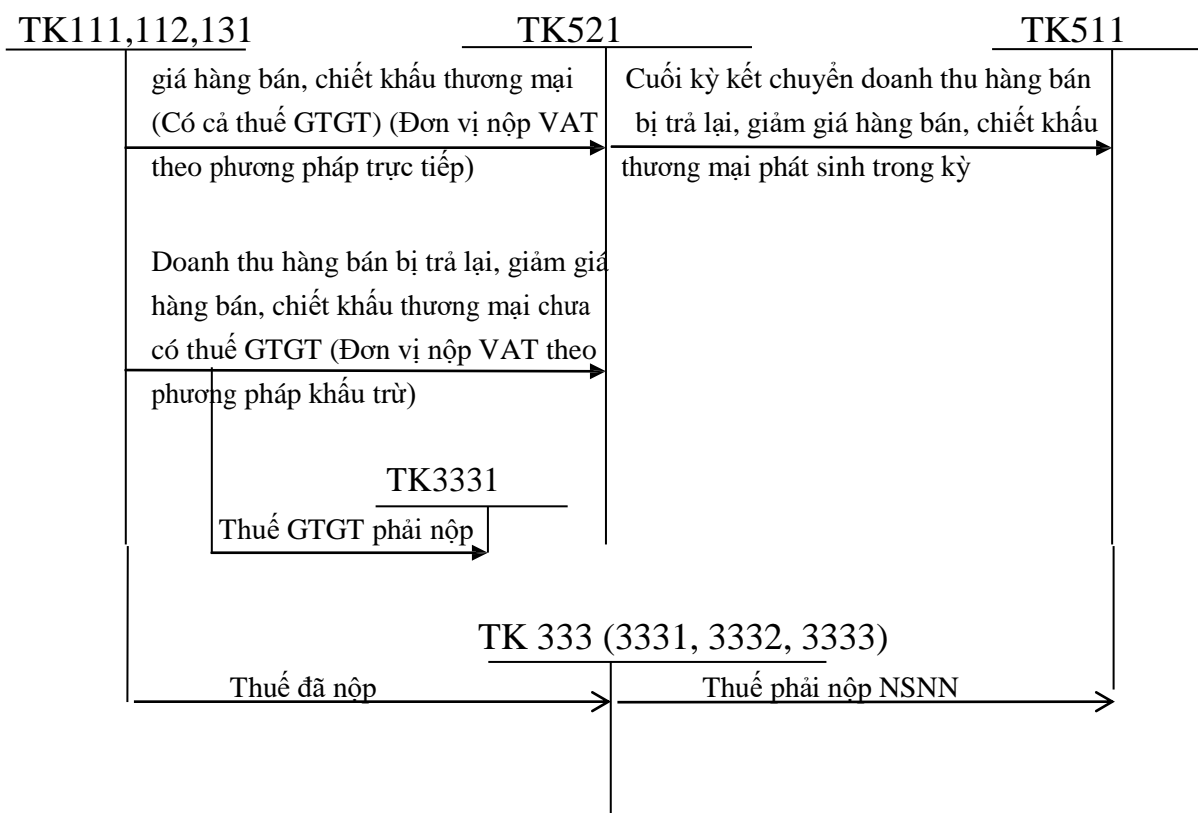
- Giảm giá hàng bán: Khoản giảm trừ được người bán chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng kém phẩm chất, hay không đúng quy cách theo quy định trên hợp đồng kinh tế.

**Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp**

**Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332):** là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

**Tài khoản 3333 - Thuế xuất khẩu (TK 3333 – XK):** là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

1.5.2.2 Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.1. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

### 1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán

#### 1.5.3.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán có thể thông qua một trong bốn phương pháp sau:

##### a. Phương pháp bình quân gia quyền.

- Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

**Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân hàng xuất kho**

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân của} \\ \text{hàng hoá xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ}}$$

Nếu sau mỗi lần nhập, xuất sản phẩm kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

- Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

##### b. Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

##### c. Phương pháp thực tế đích danh.

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhân diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

### 1.5.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

#### a. Chứng từ kế toán sử dụng:

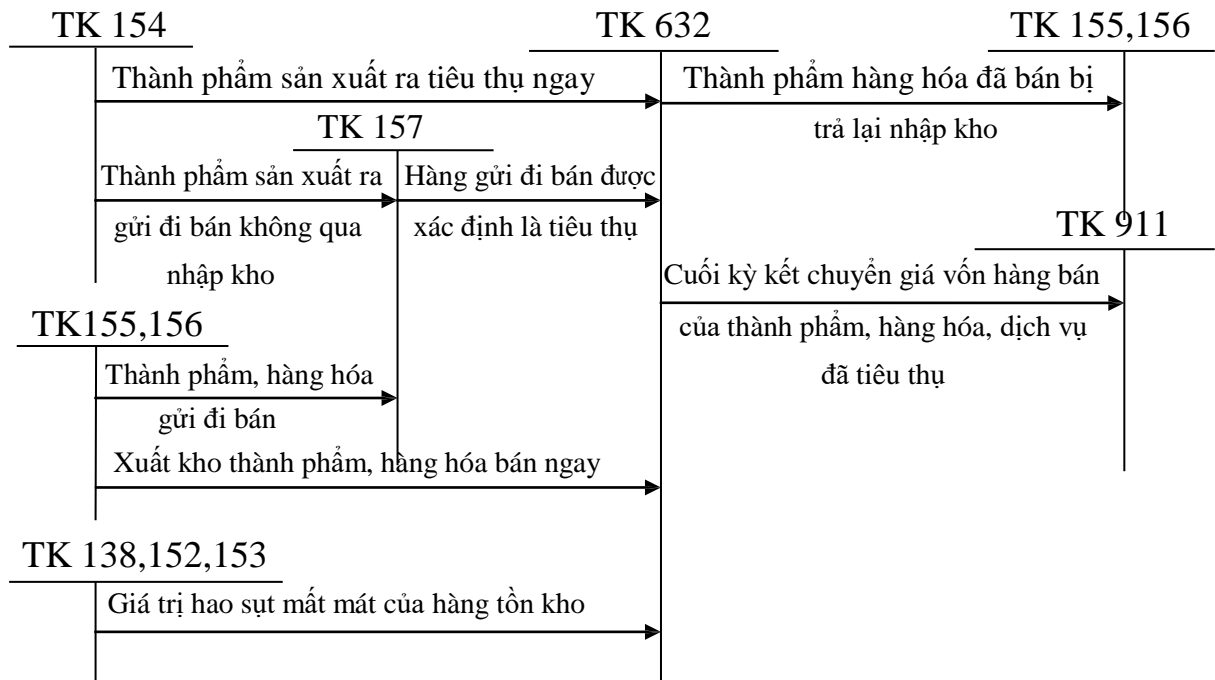
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### b. Tài khoản sử dụng:

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.5.3.3 Phương pháp hạch toán

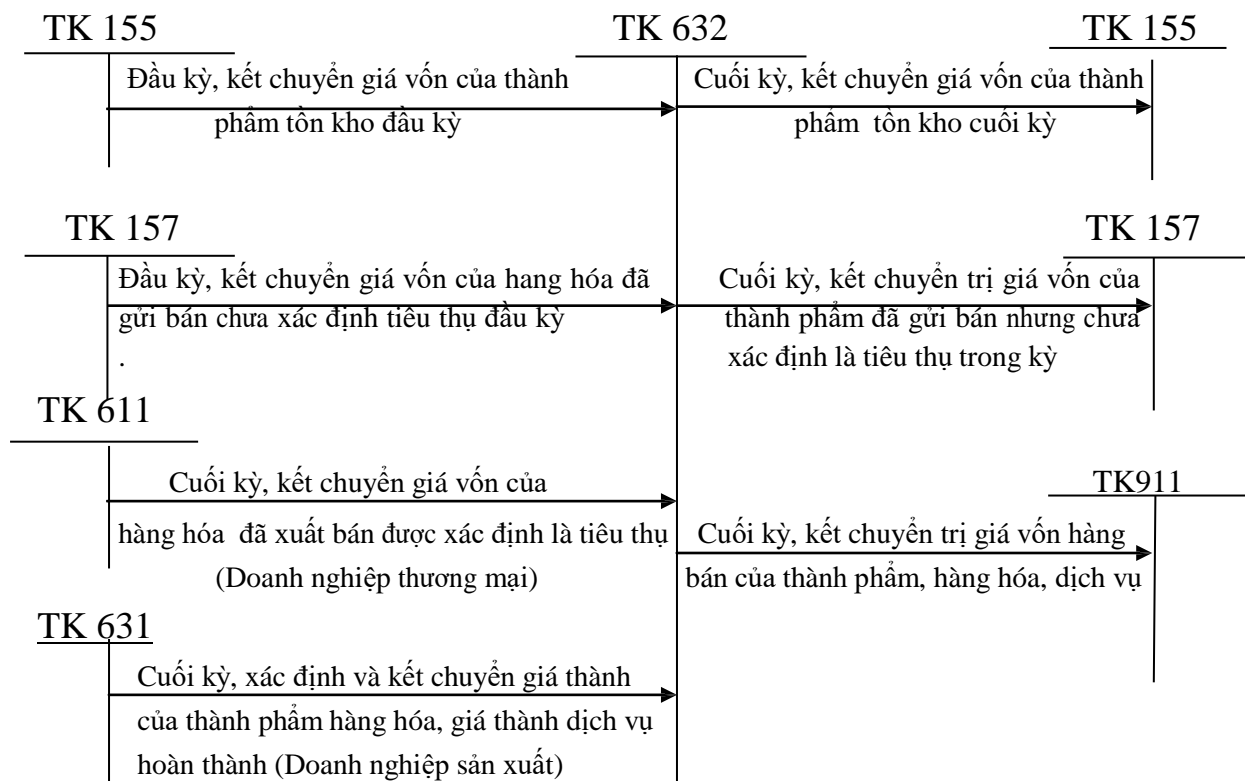
a. Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:



Sơ đồ 1.2. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Đối với kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



**Sơ đồ 1.3. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**1.5.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

**1.5.4.1 Kế toán chi phí bán hàng**

*a. Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn GTGT
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Các chứng từ khác có liên quan.

*b. Tài khoản sử dụng*

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, bảo hành sản phẩm, hoa hồng bán hàng ...

- Kế toán sử dụng Tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng" để hạch toán.

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

#### 1.5.4.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

##### a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

##### b. Tài khoản sử dụng:

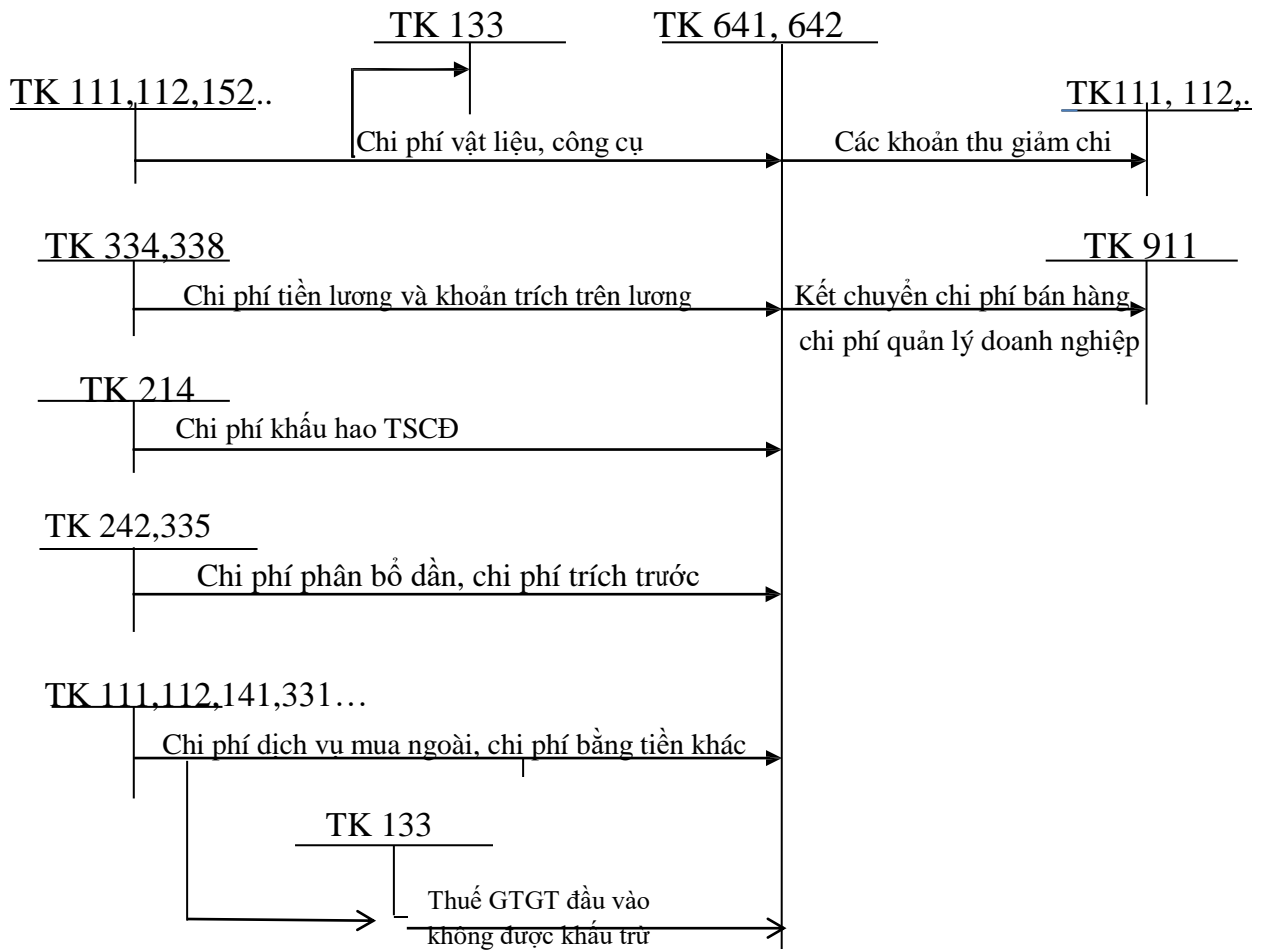
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Kế toán sử dụng Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp" để hạch toán.

TK 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

*c. Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.4. Hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

## **1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính**

### **1.6.1 Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

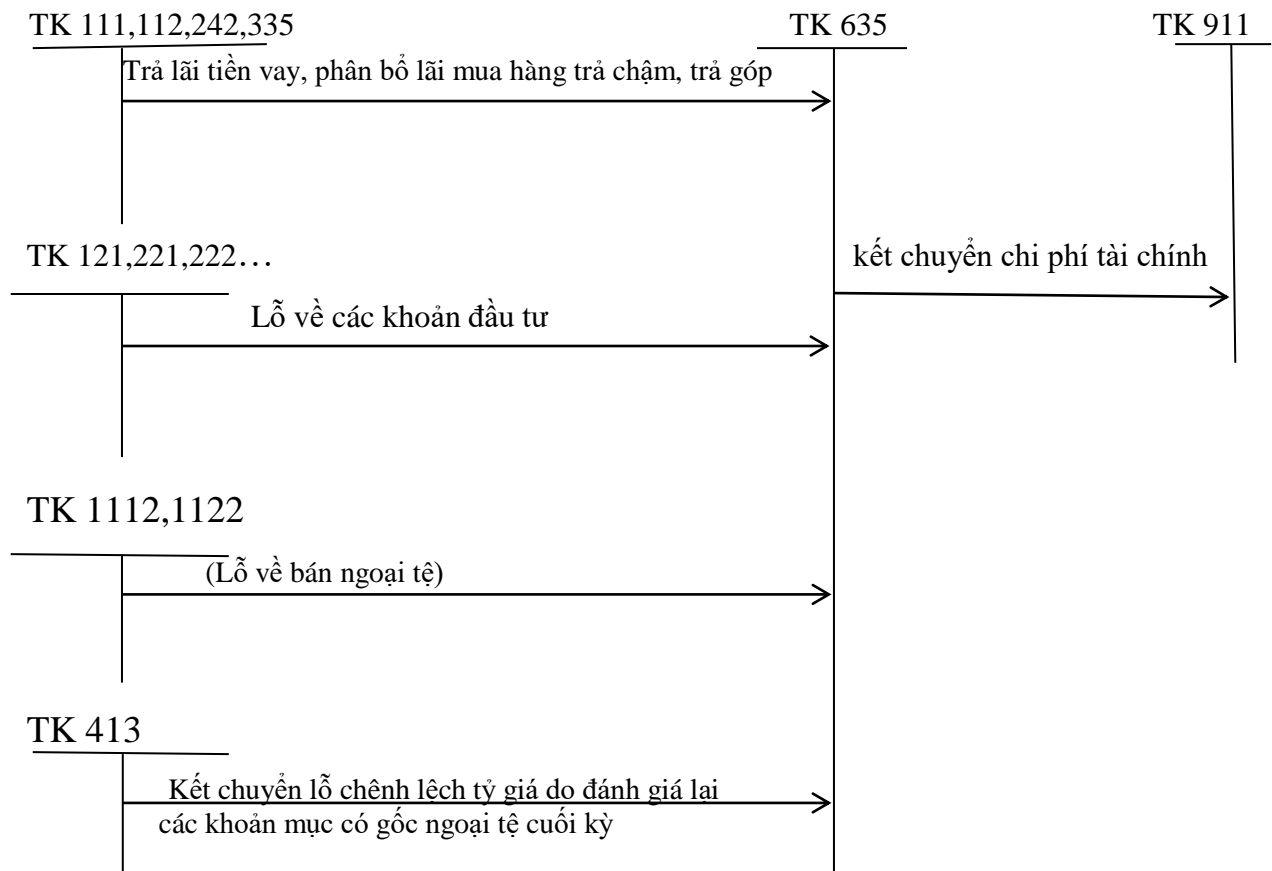
### **1.6.2 Tài khoản sử dụng**

#### *Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính*

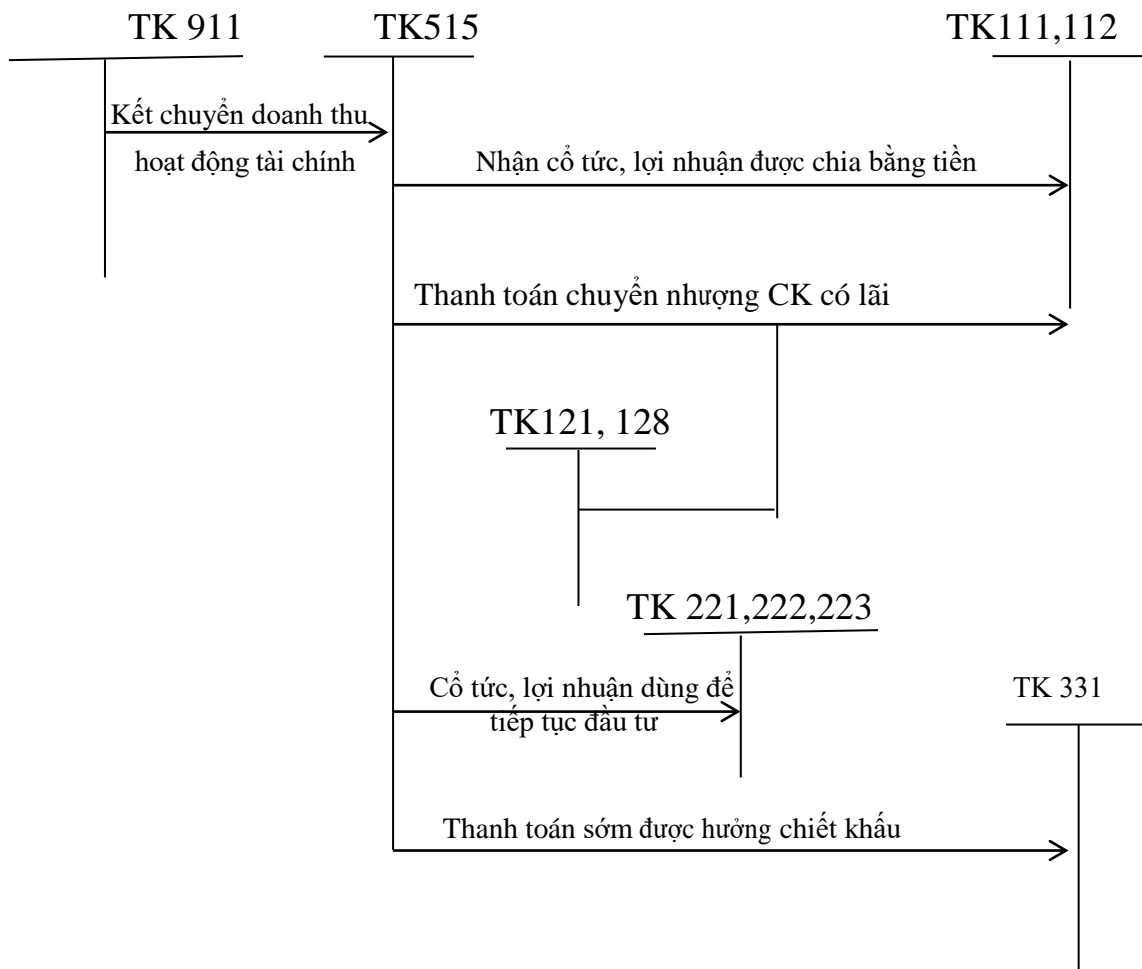
Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

#### *Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính*

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...



**Sơ đồ 1.5. Hạch toán chi phí và kết quả hoạt động tài chính**



Sơ đồ 1.6. Hạch toán doanh thu và kết quả hoạt động tài chính

### 1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác

#### 1.7.1 Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh, đầu tư công ti con
- Phiếu thu....

#### 1.7.2 Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 711 – Thu nhập khác*

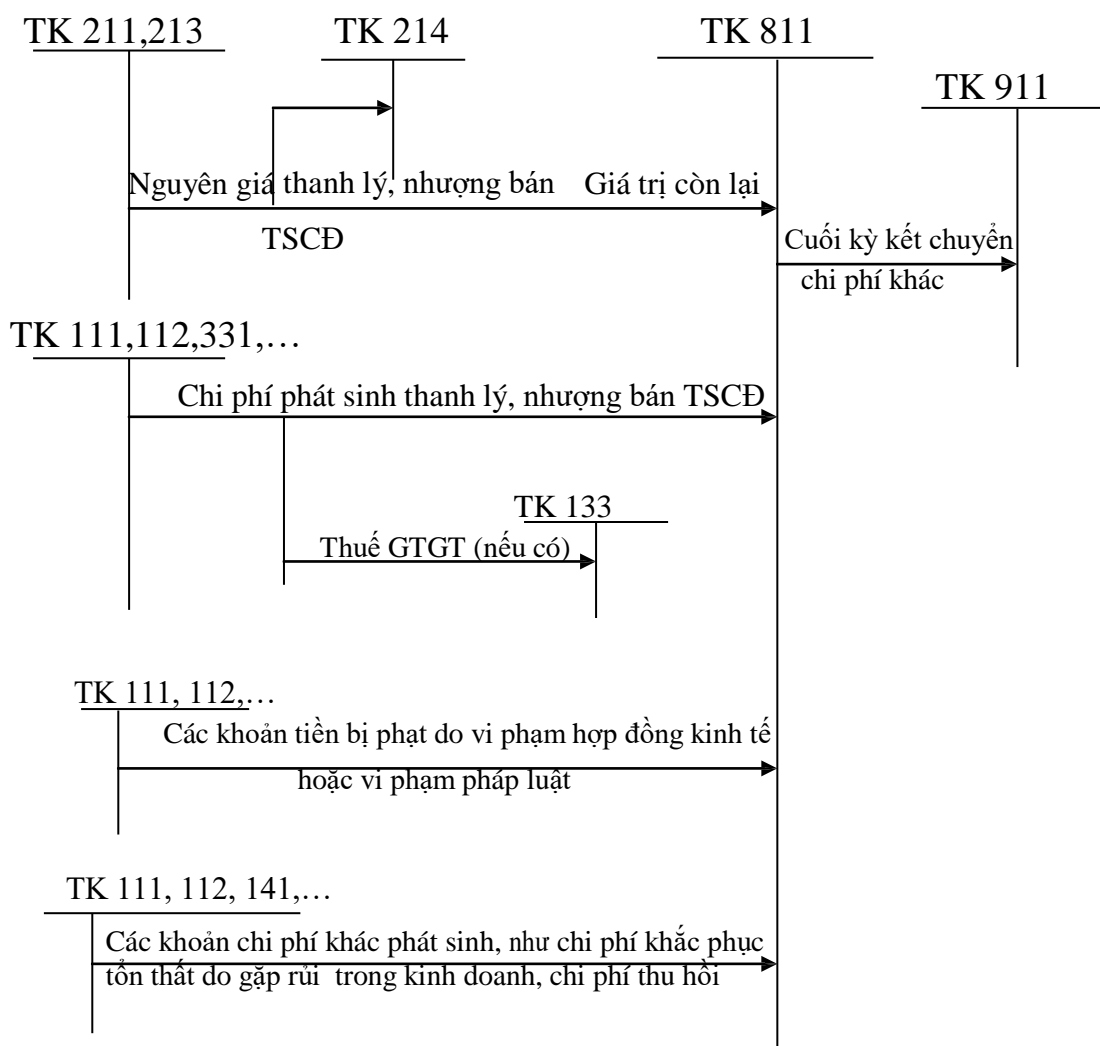
Kế toán thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh thu (nếu

có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác.

*Tài khoản 811 – Chi phí khác*

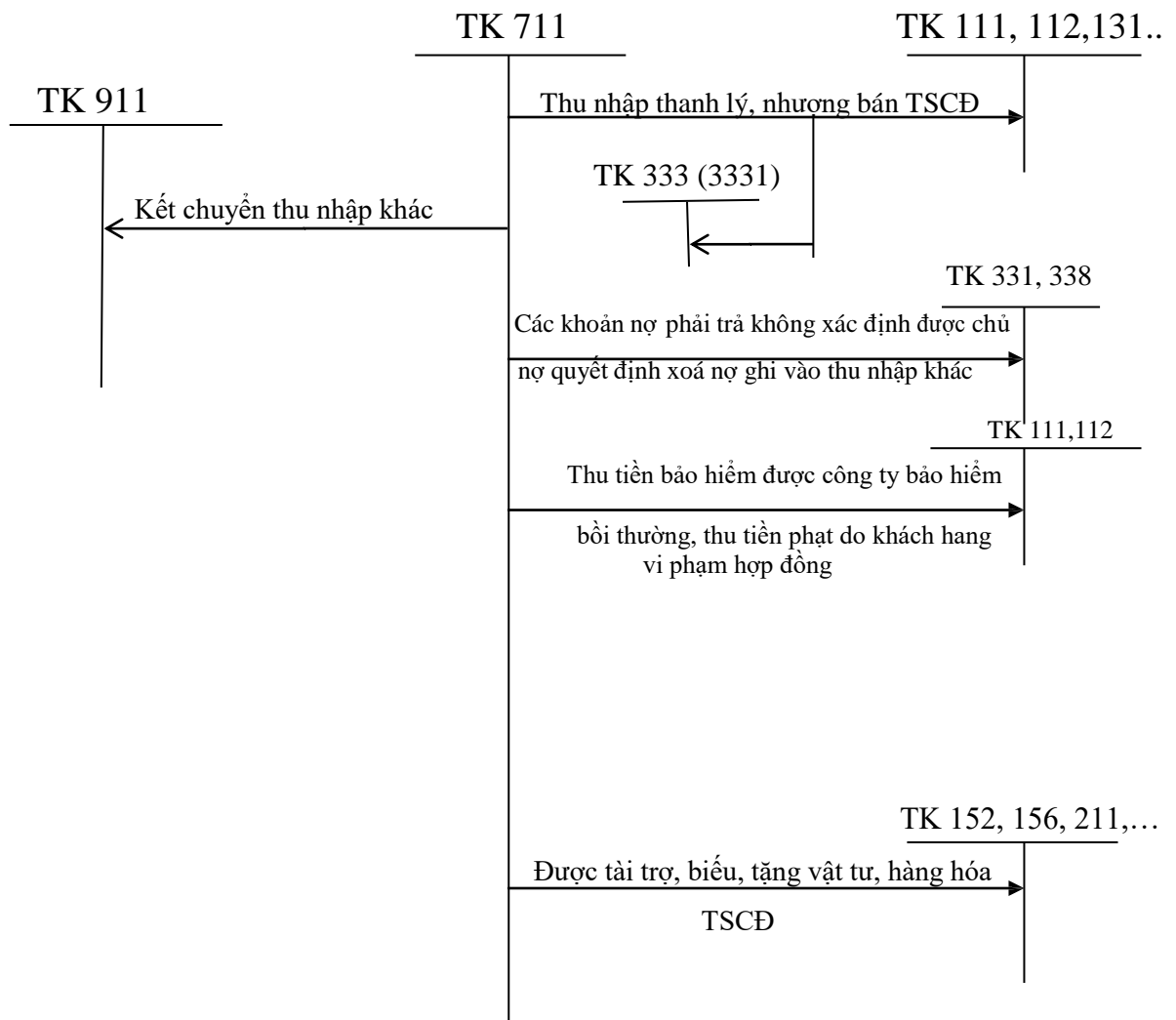
Kế toán chi phí khác là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

**1.7.3 Phương pháp hạch toán**



**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí và kết quả hoạt động khác.**





**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập và kết quả hoạt động khác**

## 1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

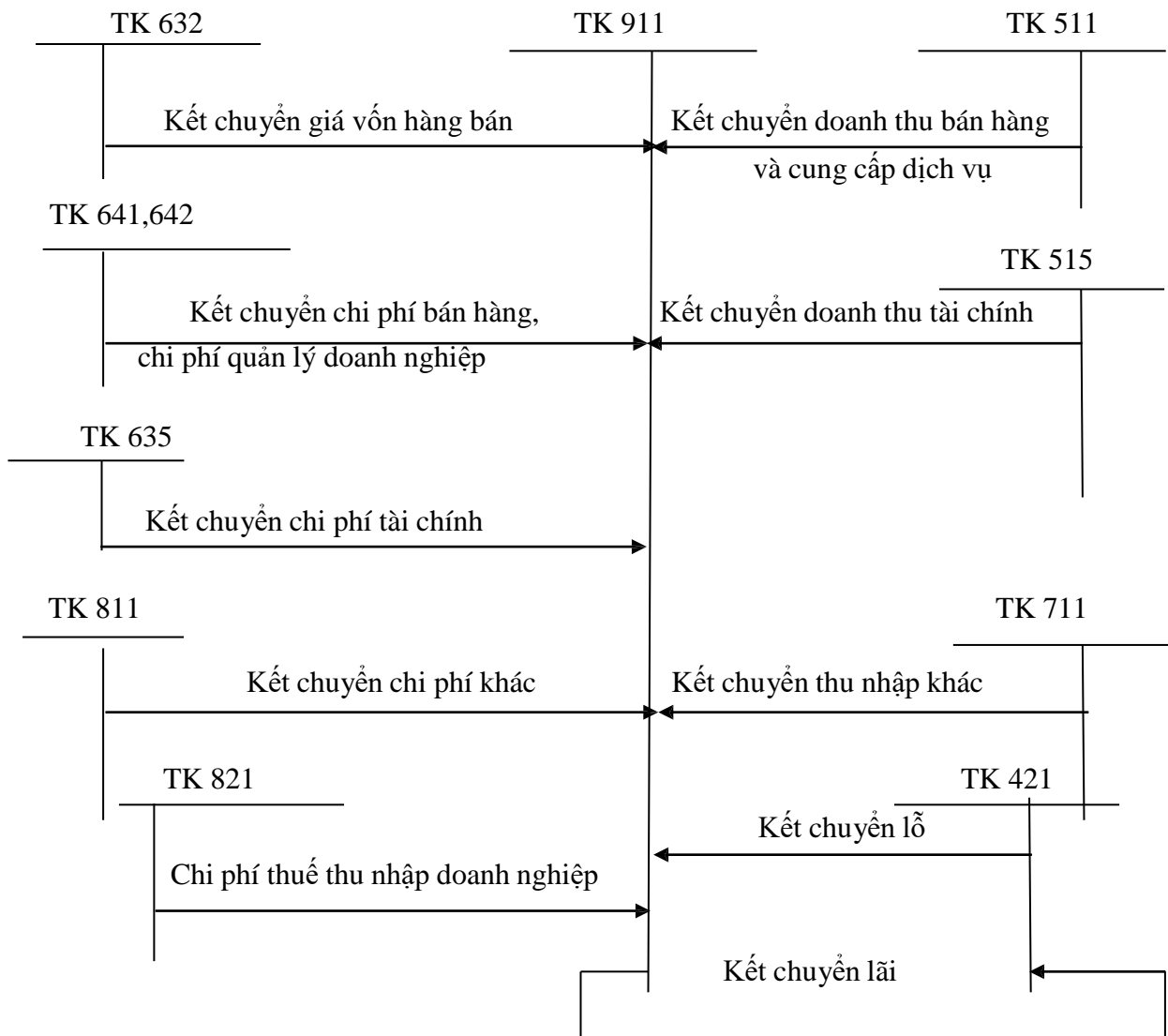
### 1.8.1 Chứng từ sử dụng:

-Phiếu kế toán

### 1.8.2 Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**1.8.3 Phương pháp hạch toán**



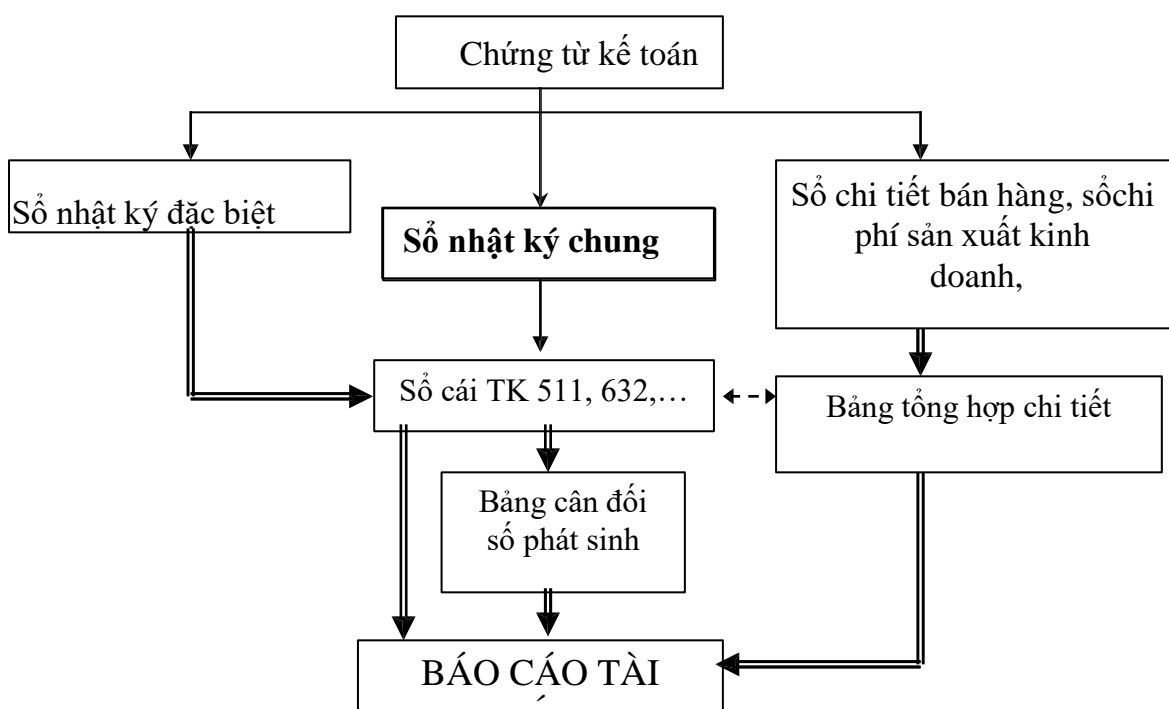
**Sơ đồ 1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

**1.9 Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán**

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

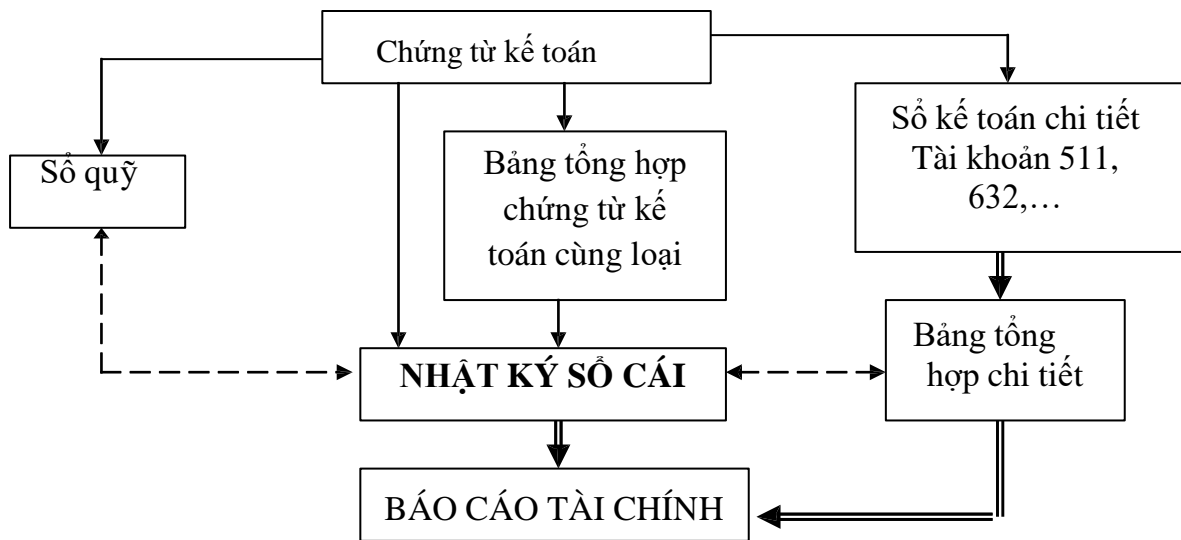
**1.9.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung.**



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ⇔ Đối chiếu

**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

**1.9.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.**

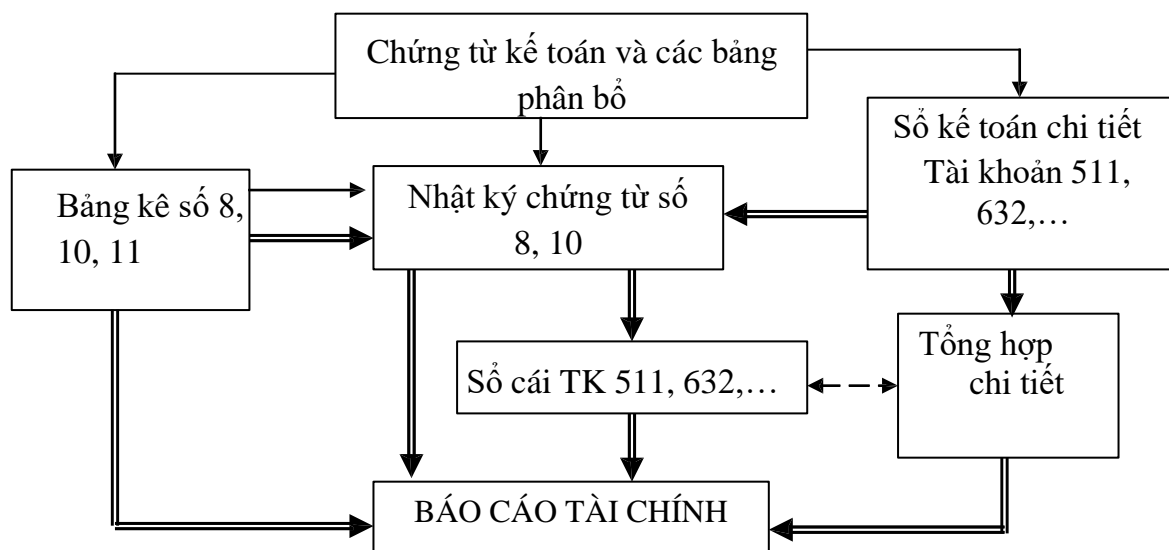


Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái**

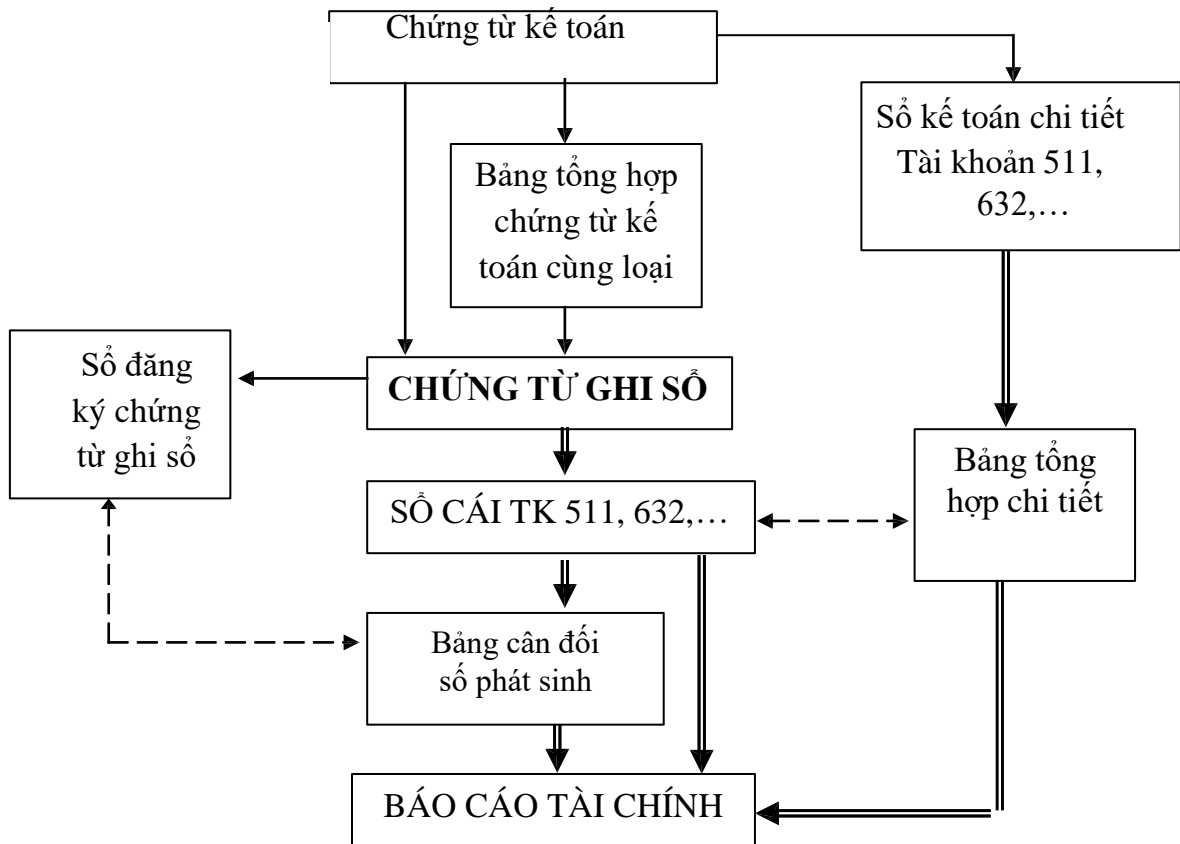
**1.9.3 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ**



- Ghi chú      →      Ghi hàng ngày
- ==>      Ghi cuối tháng
- <- - - ->      Đối chiếu

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ**

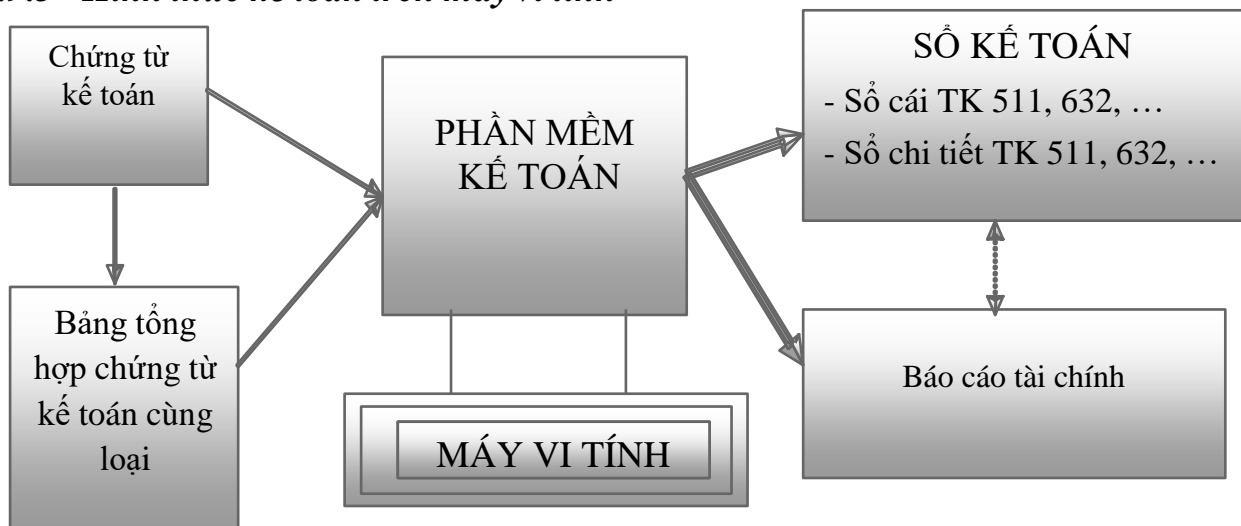
**1.9.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú       $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày  
                   $\Longrightarrow$  Ghi hàng tuần  
                   $\longleftrightarrow$  Đối chiếu

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

**1.9.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần
- ↔ Đối chiếu

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu – chi phí theo hình thức kế toán trên máy tính**

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ**  
**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GAS**  
**PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

**2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**

**2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**

Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng là công ty TNHH một thành viên có 100% vốn thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam. Là một đơn vị kinh doanh mặt hàng gas sớm nhất trong cả nước. Công ty Xăng dầu khu vực III cũng như Xí nghiệp Gas có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức cũng như khai thác kinh doanh mặt hàng này.

Tên giao dịch: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng

Tên giao dịch quốc tế: HAI PHONG PETROLIMEX GAS COMPANY.

Tên viết tắt : PGC-HAI PHONG.

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center, Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Mã số thuế của công ty : 0200622262

- *Lĩnh vực kinh doanh:*

- Công ty gas Petrolimex kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng-LPG(\*), thiết bị, linh kiện, phụ kiện bếp gas và bao gồm việc đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ - kỹ thuật ngành khác.

*\* Thực trạng tài chính của công ty trong 2 năm qua*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
1. Vốn kinh doanh BQ	18.144.554.325	18.476.36.761
2. Tổng doanh thu	194.990.407.384	260.529.734.715
3. Tổng doanh thu thuần	194.879.808.934	260.431.129.795
4. Tổng GVHB	184.188.968.646	252.764.499.939
5. Tổng lợi nhuận gộp	10.690.840.288	7.666.629.856
6. Tổng lợi nhuận trước thuế	9.336.416.303	9.040.916.517
7. Thu nhập BQ 1 lao động/ tháng	6.466.721	5.525.668

**Bảng 2.1: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Gas Petrolimex trong 2 năm 2014 - 2015**



Từ các số liệu trên đây chúng ta có thể thấy được sự phát triển của công ty qua 2 năm gần đây nhất. Năm 2015 công ty đã có bước tăng trưởng đáng kể đặc biệt lợi nhuận của công ty năm 2015 so với năm 2014 tăng thêm khoảng ba trăm triệu đồng.

Đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên ngày càng nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng từ 5.525.668/ người năm 2014 lên 6.466.721/người năm 2015 đây là một sự động viên khích lệ đối với người lao động và làm cho người lao động gắn bó hơn với công ty.

### **2.1.2. Đặc điểm để tổ chức kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**

#### **\* Đặc điểm hàng hoá**

- (\*) LPG: Khí hóa lỏng - khí gas hay còn gọi đầy đủ là khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Liquefied Petroleum Gas) có thành phần chính là propan  $C_3H_8$  và butan  $C_4H_{10}$ . LPG là loại nhiên liệu thông dụng về tính đa năng và thân thiện với môi trường. Nó có thể dễ dàng chuyển đổi sang thể lỏng bằng việc tăng áp suất thích hợp hoặc giảm nhiệt độ để dễ tồn trữ và vận chuyển được. Vì có tương đối ít thành phần hơn nên dễ đạt được đúng tỷ lệ pha trộn nhiên liệu, cho phép sản phẩm cháy hoàn toàn. Việc này đã làm cho LPG có các đặc tính của một nguồn nhiên liệu đốt sạch.

#### **\* Quy trình bán hàng của công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

Bao gồm 4 giai đoạn chủ yếu như sau:

Giai đoạn 1: Nhận đơn hàng của khách hàng

Giai đoạn 2: Duyệt đơn hàng

Giai đoạn 3: Thỏa thuận và tiếp nhận thông tin làm hợp đồng mua bán

Giai đoạn 4: Tổ chức bán hàng, giao hàng và xuất hóa đơn theo Hợp đồng

### **2.1.3 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

\* Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng theo lĩnh vực hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

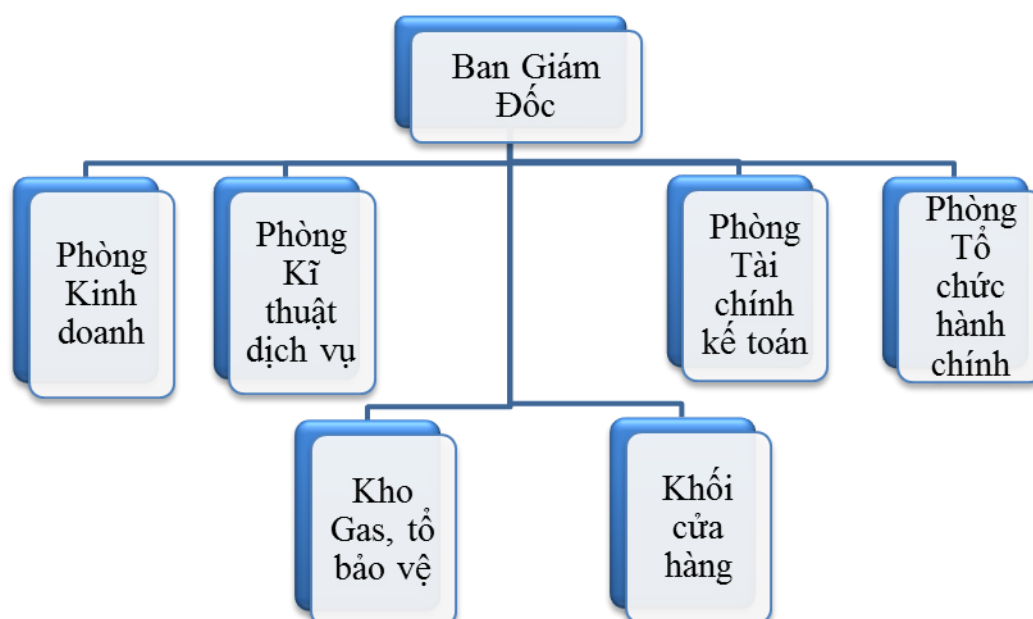
\* Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.

\* Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng theo quý.

\* Việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng được thực hiện vào cuối mỗi quý.

#### **2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

Để điều hành quá trình kinh doanh, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục và có hiệu quả, chủ động đối phó được trước những biến động của thị trường, Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng đã tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quy mô, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

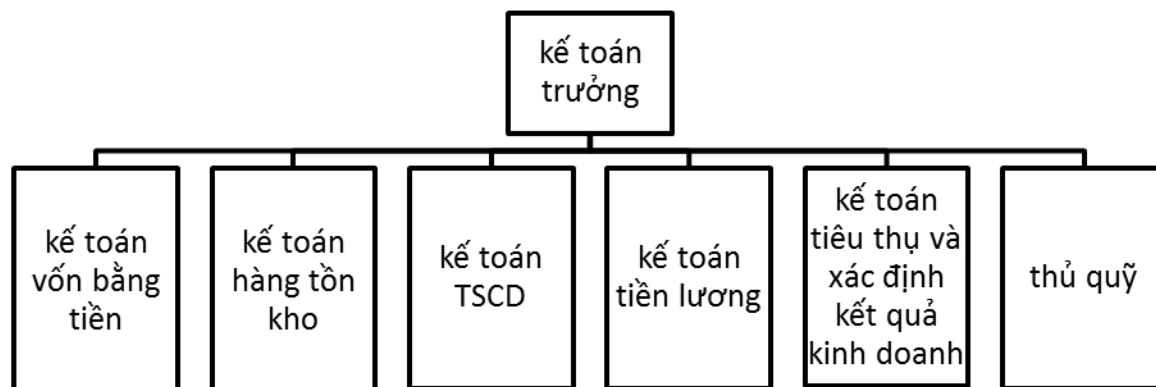


#### **Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp**

#### **2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

##### **2.1.5.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

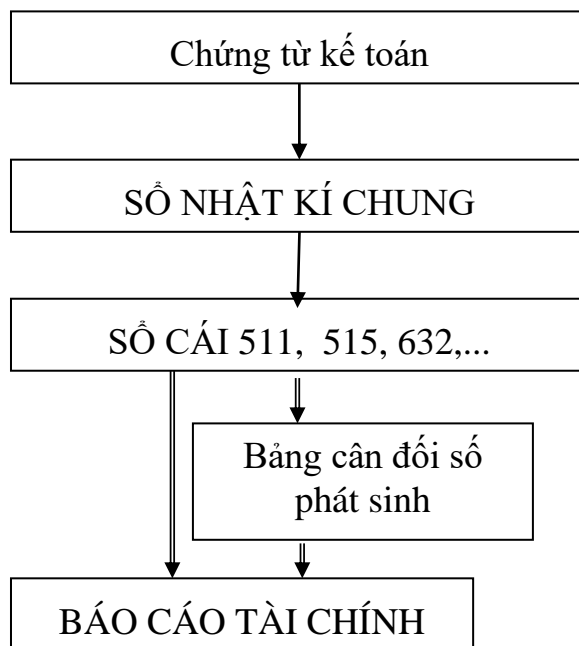
Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán ghi nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Gas Petrolimex HP**

**2.1.5.2 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng:**

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần
- ⇔ Đối chiếu

**Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC**

## **2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

### **2.2.1 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*a. Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu xuất kho

*b. Tài khoản sử dụng:*

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*c. Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511.

**Ví dụ 2.1:** Ngày 01/09/2015, xuất hàng bán 492 kg gas Petrolimex cho cửa hàng Minh Nhật theo HĐ số 0001499 thu ngay bằng tiền mặt, giá chưa thuế 12.300.000 (VAT 10%)

**Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: (Luân chuyển nội bộ)		Số: 0001499			
Ngày 01 tháng 09 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200622262					
Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center, Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng.					
Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3742.999					
Họ tên người mua hàng: Phạm Minh Nhật					
Tên đơn vị: Cửa hàng Minh Nhật					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản.....		
Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gas Petrolimex	Kg	492	25.000	12.300.000
Cộng tiền hàng:					12.300.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			1.230.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					13.530.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.1) kế toán ghi phiếu thu (biểu số 2.2):

**Biểu số 2.2: Phiếu thu số 01/09**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 01-TT**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU THU**

*Ngày 01 tháng 09 năm 2015*

Số: 01/09

Nợ: 111

Có: 511

Họ, tên người nộp tiền: Phạm Minh Nhật

Có: 3331

Địa chỉ: Lê Lai, Ngô Quyền

Hải Phòng.

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 13.530.000

Viết bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng.

Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

**Ví dụ 2.2:** Ngày 05/09/2015, xuất hàng bán cho đại lý Hoa Cường theo HĐ0001515 chưa thanh toán, giá chưa có VAT 10% là 6.300.000

**Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001515**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: (Luân chuyển nội bộ)		Số: 0001515			
Ngày 05 tháng 09 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200622262					
Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center, Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng					
Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3742.999					
Họ tên người mua hàng: Đào Thị Hoa					
Tên đơn vị: Đại lý Hoa Cường					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK			Số tài khoản.....		
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gas petrolimex	Kg	256	25.000	6.300.000
Cộng tiền hàng:					6.300.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		630.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.930.000
Số tiền viết bằng chữ: sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)



**Ví dụ 2.3:** Ngày 05 tháng 09 năm 2015, xuất hàng bán cho nhà hàng Long Hải theo HĐ số 0001516, giá thanh toán chưa thuế là 45.000.000, VAT là 10%.

**Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001516**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/14P			
Liên 3: (Luân chuyển nội bộ)		Số: 0001516			
Ngày 05 tháng 09 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200622262					
Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center, Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng					
Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3742.999					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hải					
Tên đơn vị: Nhà hàng Long Hải					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: An Đồng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản.....		
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gas petrolimex	Kg	1.800	25.000	45.000.000
2					
3					
Cộng tiền hàng:					45.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		4.500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					49.500.000
Số tiền viết bằng chữ: bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

**Biểu số 2.5: Giấy báo Có 0596**

Ngân hàng TMCP Á Châu  
Chi nhánh: ACB – CN  
HẢI PHÒNG

**GIẤY BÁO CÓ**  
Ngày: 05-09-2015

Mã GDV: GIANGDHHAP  
Mã KH: 44048  
Số GD: 0596

Kính gửi: CTY TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0200622262

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 3408659

Số tiền bằng số: 49.500.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng.

Nội dung: Thanh toán tiền hàng.

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát**

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrochimex Hải Phòng)*

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.1, 2.3, 2.4), phiếu thu (biểu số 2.2), giấy báo có ( biểu số 2.5) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6):

### **Biểu số 2.6: Trích sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center.  
Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

## **TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
01/09	PT01/09 HĐ0001499	01/09 01/09	Xuất bán cho cửa hàng Minh Nhật thu bằng tiền mặt	111 511 3331	13.530.000	12.530.000 1.253.000
			...			
05/09	HĐ0001515	05/09	Xuất bán cho đại lý Hoa Cường chưa thu tiền.	131 511 3331	6.930.000	6.300.000 630.000
05/09	GBC0596 HĐ0001516	05/09 05/09	Xuất bán cho nhà hàng Long Hải thu bằng tiền gửi ngân hàng	112 511 3331	49.500.000	45.000.000 4.500.000
			...			
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		<b>60.628.964.203</b>	<b>60.628.964.203</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6) kế toán ghi Sổ cái TK 511  
(biểu số 2.7):

### **Biểu số 2.7 Trích sổ cái TK 511**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

### **TRÍCH SỔ CÁI**

Số hiệu TK 511- Doanh thu bán hàng  
Từ ngày 01/7/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			
			...			
01/09	HĐ0001499	01/09	Bán thu bằng tiền mặt	111		13.530.000
			...			
05/09	HĐ0001515	05/09	Bán chưa thu tiền.	131		6.930.000
05/09	HĐ0001516	05/09	Bán thu bằng tiền gửi ngân hàng	112		49.500.000
			...			
30/09	PKT20	30/09	K/c Doanh thu quý III	911	46.205.498.178	
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		46.205.498.178	46.205.498.178
			Số dư cuối quý			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng)

**2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán**

*a. Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)

*b. Tài khoản sử dụng:*

- TK 632 – Giá vốn hàng bán.

*c. Sổ sách sử dụng*

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 632.

**Ví dụ 2.1:** Ngày 01/09/2015, xuất hàng bán 492 kg gas Petrolimex cho cửa hàng Minh Nhật theo HĐ số 0001499 thu ngay bằng tiền mặt, giá chưa thuế 12.300.000 (VAT 10%) giá vốn 11.881.800 đồng

- Căn cứ vào các thông tin bán hàng trên các Hóa đơn GTGT (biểu số 2.1) kế toán lập các phiếu xuất kho tương ứng (biểu số 2.8) đơn giá xuất kho dựa trên sổ chi tiết hàng hóa (biểu số 2.11).

**Biểu số 2.8 Phiếu xuất kho số 01/09**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 02 – VT**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 01/09/2015

Số: 01/09

Nợ Tk 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Phạm Thị Tuyết

Địa chỉ: Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Xuất tại kho: kho hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gas petrolimex	Kg	492	492	24.150	11.881.800
	<b>Cộng</b>		492	492	24.150	11.881.800

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

**Ví dụ 2.2:** Ngày 05/09/2015, xuất hàng bán cho đại lý Hoa Cường theo HĐ0001515 chưa thanh toán, giá chưa có VAT 10% là 6.300.000, giá vốn là 6.085.800

- Căn cứ vào các thông tin bán hàng trên các Hóa đơn GTGT (biểu số 2.3) kế toán lập phiếu xuất kho tương ứng (biểu số 2.9) đơn giá xuất kho dựa trên sổ chi tiết hàng hóa (biểu số 2.11).

**Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 11/09**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 02 – VT**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Họ tên người nhận hàng: Đào Thị Hoa  
 Địa chỉ: Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng  
 Xuất tại kho: kho hàng hóa

Số: 11/09  
 Nợ Tk 632  
 Có TK 156

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gas petrolimex	Kg	252	252	24.150	6.085.800
	<b>Cộng</b>		252	252	24.150	6.085.800

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

**Ví dụ 2.3:** Ngày 05 tháng 09 năm 2015, xuất hàng bán cho nhà hàng Long Hải theo HĐ số 0001516, giá thanh toán chưa thuế là 45.000.000, VAT là 10%. Giá vốn 43.470.000

- Căn cứ vào các thông tin bán hàng trên các Hóa đơn GTGT (biểu số 2.4) kế toán lập phiếu xuất kho tương ứng (biểu số 2.10) đơn giá xuất kho dựa trên sổ chi tiết hàng hóa (biểu số 2.11).

**Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho số 12/09**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 02 – VT**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 05/09/2015

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hải

Số: 12/09

Địa chỉ: An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Nợ Tk 632

Xuất tại kho; kho hàng hóa công ty

Có TK 156

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gas petrolimex	Kg	1800	1800	24.150	43.470.000
	<b>Cộng</b>		1800	1800	24.150	43.470.000

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

**Biểu 2.11: Trích sổ chi tiết hàng hoá**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 10 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ**

Năm 2015

Tài khoản: 156 Tên kho: kho hàng hóa.

Tên quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): gas petrolimex

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		SĐĐK		24.150					20.000	483.000.000	
PX01/09	1/9	Xuất bán cửa hàng Minh Nhật		24.150			492	11.881.800	19.508	471.118.200	
		...									
PN 03/09	4/9	Mua hàng nhập kho từ Hải An		24.155	10.000	240.000.000			28.500	688.325.000	
	...	...									
PX11/09	5/9	Xuất bán đại lý Hoa Cường		24.150			252	6.085.800	21.400	516.860.000	
PX12/09	5/9	Xuất bán nhà hàng Long Hải		24.150			1.800	43.470.000	19.600	473.390.000	
	...	...									
		Cộng			30.000	724.650.000	35.000	845.325.000			
		SDCK							15.000	362.325.000	

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)



Căn cứ vào Phiếu xuất kho (biểu số 2.8,2.9, 2.10,) kế toán ghi sổ Nhật Ký chung (biểu số 2.12).

**Biểu số 2.12 Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
 Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
01/09	PX01/09	01/09	Xuất bán cho đại lý Minh Nhật	632 156	11.881.800	11.881.800
	HĐ0001499	01/09	Bán thu bằng tiền mặt	111	13.530.000	
	PT01/09	01/09		511 3331		12.300.000 1.230.000
			...			
05/09	PX11/09	05/09	Xuất bán cho đại lý Hoa Cường	632 156	6.085.800	6.085.800
	HĐ0001515	05/09	Bán chưa thu tiền.	131	6.930.000	
				511 3331		6.300.000 630.000
05/09	PX12/09	05/09	Xuất bán cho đại lý Long Hải	632 156	43.470.000	43.470.000
	HĐ0001516	05/09	Bán thu bằng tiền gửi ngân hàng	112	49.500.000	
	GBC0596	05/09		511 3331		45.000.000 4.500.000
			...			
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		<b>60.628.964.203</b>	<b>60.628.964.203</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.12), kế toán ghi sổ cái TK 632 (biểu số 2.13):

**Biểu số 2.13: Trích sổ cái TK 632**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Số hiệu TK 632 – Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý</b>			
			...			
01/09	PX01/09	01/09	Xuất bán cho cửa hàng Minh Nhật	156	11.881.800	
			...			
05/09	PX11/09	05/09	Xuất bán cho đại lý Hoa Cường	156	6.085.800	
05/09	PX12/09	05/09	Xuất bán cho nhà hàng Long Hải	156	43.470.000	
			...			
30/09	PKT21	30/09	K/c giá vốn HB quý III	911		44.238.865.917
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		44.238.865.917	44.238.865.917
			<b>Số dư cuối quý</b>			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

*2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng*

*a. Chứng từ kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi (Mẫu số 02-TT), giấy đề nghị thanh toán,...

*b. Tài khoản sử dụng*

- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

*c. Sổ sách sử dụng*

- Bảng phân bổ lương , bảng phân bổ khấu hao, ...
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, 642.

**Ví dụ 2.4:** Ngày 30/09/2014 kế toán lập bảng phân bổ lương tháng 9 của toàn doanh nghiệp.

**Biểu số 2.14: Bảng phân bổ lương**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 02 – LĐTL**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG**

STT	Ghi có  Ghi nợ	Phải trả người lao động	Lương tính bảo hiểm	Ghi có TK 338								
				Các khoản trích doanh nghiệp phải nộp					Các khoản trích trừ vào lương			
				Kinh phí công đoàn (2%)	Bảo hiểm xã hội (18%)	Bảo hiểm Y tế (3%)	Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	Cộng Có TK 338	Bảo hiểm Xã hội (8%)	Bảo hiểm Y tế (1.5%)	Bảo hiểm thất nghiệp (1%)	Cộng Có TK 338
1	TK 622	89.720.000	85.460.200	1.709.204	15.382.836	2.563.806	854.602	20.510.448	6.836.816	1.281.903	854.602	8.973.321
2	TK 627	59.000.000	58.280.000	1.165.600	10.490.400	1.748.400	582.800	13.987.200	4.662.400	874.200	582.800	6.119.400
3	TK 641	69.570.000	66.770.000	1.335.400	12.018.600	2.003.100	667.700	16.024.800	5.341.600	1.001.550	667.700	7.010.850
4	TK 642	81.200.039	79.370.400	1.587.408	14.286.672	2.381.112	793.704	19.048.896	6.349.632	1.190.556	793.704	8.333.892
	<b>TỔNG</b>	<b>299.490.039</b>	<b>289.880.600</b>	<b>5.797.612</b>	<b>52.178.508</b>	<b>8.696.418</b>	<b>2.844.806</b>	<b>69.517.334</b>	<b>23.190.448</b>	<b>4.348.209</b>	<b>2.898.806</b>	<b>30.437.463</b>

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

**Ví dụ 2.5:** Ngày 30/09/2015 kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.

**Biểu số 2.15: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 06 – TSCĐ**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tháng 9 năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK 627	TK 641	TK 642
			Nguyên giá	Số khấu hao			
1	Số khấu hao trích tháng trước			65.795.843	35.970.500	17.743.593	17.081.750
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này			65.795.843	35.970.500	17.743.593	17.081.750

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

**Ví dụ 2.6:** Ngày 23 /09/2015, kế toán thanh toán tiền điện tháng 08/2015 của bộ phận Quản lý DN cho Điện lực Lê Chân bằng tiền mặt; số tiền là 1.041.703 đồng.

**Biểu số 2.16: Hoá đơn GTGT số 0001570 của Điện lực Lê Chân**

ĐIỆN LỰC LÊ CHÂN		HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT (Liên 2: Giao khách hàng) Từ ngày 23/08/2015 đến ngày 25/09/2015			Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/13T Số: 0001570	
Địa chỉ: số 12, Hồ Nam, Lê Chân HP						
Điện thoại: MST: 0200622262						
Mã khách hàng: LC612						
Tên khách hàng: Công ty TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG						
Địa chỉ khách hàng: Lô 20A – Lê Hồng Phong, Hải Phòng						
Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Mục đích SD	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền	
24.586	24.163	SH	423			
		Trong đó:				
			100	1.418	141.800	
			100	1.922	192.200	
			100	2.424	242.400	
			100	2.910	291.000	
			23	3.461	79.603	
Cộng:					947.003	
Thuế suất GTGT : 10%					94.700	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.041.703	
Số tiền bằng chữ: Một triệu không trăm bốn một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng.						

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0001570 ( như biểu 2.16), kế toán lập phiếu chi số 18/09 (như biểu 2.17)

**Biểu số 2.17 Phiếu chi số 18/09**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số 02 - TT**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 24 tháng 09 năm 2015*

Số: 18/09

Nợ: 642:

Nợ 133:

Có 111:

Họ và tên người nhận tiền: Công ty Điện lực Lê Chân

Địa chỉ: Số 12, Hồ Nam, Lê Chân, HP

Lý do chi: Thanh toán tiền điện

Số tiền: 1.041.703

Viết bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm lẻ hai đồng

Kèm theo: .....chứng từ gốc.

*Ngày 24 tháng 09 năm 2015*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

*(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

Căn cứ vào bảng phân bổ lương (biểu số 2.14) , bảng tính và phân bổ khấu hao (biểu số 2.15), HĐGTGT số 0002180 ( Biểu số 2.16) và phiếu chi số 18/09 ( như biểu 2.17) kế toán ghi sổ Nhật ký chung:

**Biểu số 2.18: Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
 Địa chỉ: Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

Mẫu số S03a -DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
23/9	HĐ 0001570 PC-18/09	23/9	Trả tiền điện cho bộ phận QLDN bằng tiền mặt	642 133 111	947.003 94.700	1.041.703
	...		...	...		
30/09	PBL9	30/09	Tính ra lương phải trả công nhân viên tháng 9	622 627 641 642 334	89.720.000 59.000.000 69.570.000 81.200.039	299.490.039
30/09	PBL9	30/09	Các khoản trích theo lương công nhân viên tháng 9	622 627 641 642 334 338	20.510.448 13.987.200 16.024.800 19.048.896 30.437.463	100.008.807
30/09	PBKH9	30/09	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 9	627 641 642 214	35.970.500 17.743.593 17.081.750	65.795.843
...			...			
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		<b>60.628.964.203</b>	<b>60.628.964.203</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)



Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.18) kế toán ghi sổ cái TK 641 (biểu số 2.19), sổ cái TK 642 (biểu số 2.20).

**Biểu số 2.19: Trích sổ cái TK 641**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03b -DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Số hiệu TK 641 – Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý</b>			
....			....			
30/09	PBL9	30/09	Tính ra lương phải trả công nhân viên tháng 9	334	69.570.000	
30/09	PBL9	30/09	Các khoản trích theo lương công nhân viên tháng 9	338	16.024.800	
30/09	PBKH9	30/09	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 9	214	17.743.593	
30/09	PKT21	30/09	K/c CPBH quý III	911		380.468.625
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		380.468.625	380.468.625
			<b>Số dư cuối quý</b>			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

**Biểu số 2.20: Trích sổ cái TK 642**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03b -DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Số hiệu TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý</b>			
			.....			
23/09	HD0001570 PC-18/09	23/09	Trả tiền điện cho bộ phận QLDN bằng tiền mặt	111	947.003	
...			...			
30/09	PBL9	30/09	Tính ra lương phải trả công nhân viên tháng 9	334	81.200.000	
30/09	PBL9	30/09	Các khoản trích theo lương công nhân viên tháng 9	338	19.048.896	
30/09	PBKHO9	30/09	Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 9	214	17.081.750	
30/09	PKT21	30/09	K/c CP QLDN quý III	911		343.253.136
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		343.253.136	343.253.136
			<b>Số dư cuối quý</b>			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

### 2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng

#### a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ, ...

#### b. Tài khoản sử dụng

- Tk 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

#### c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635.

**Ví dụ 2.7:** Ngày 30/09/2014 Công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng TMCP Á Châu về việc được hưởng lãi tiền gửi với số tiền là 435.912.

#### **Biểu số 2.21: Giấy báo Có 0887**

Ngân hàng TMCP Á Châu	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV: KHUENHHP
Chi nhánh: ACB – CN HẢI PHÒNG	Ngày 30-09-2015	Mã KH: 44048
		Số GD: 0887

Kính gửi: CTY TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0200622262

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CỐ: 3408659

Số tiền bằng số: 435.912

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm mười hai đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn.

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát**

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào Giấy báo Có (biểu số 2.21), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22):

**Biểu số 2.22: Trích sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03a -DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
30/09	BC0887	30/09	Lãi nhập vốn	112 515	435.912	435.912
			...			
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		<b>60.628.964.203</b>	<b>60.628.964.203</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22), kế toán ghi sổ cái TK 515 (biểu số 2.23):

**Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 515**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03b -DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Số hiệu TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/7/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý</b>			
			...			
30/09	BC887	30/09	Lãi nhập vốn	112		435.912
30/09	PKT72	30/09	K/C DTTC quý III	911	3.391.932	
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		3.391.932	3.391.932
			<b>Số dư cuối quý</b>			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

**2.2.3 Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng**

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

c. Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 511, 515, 632, 635, 641, 642, 821, 421, 911

\* Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, 515, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần thiết kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 20 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như (biểu số 2.24).

**Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 20**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Số 20

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c doanh thu quý III	511	911	46.205.498.178
2	K/c doanh thu HĐTC quý III	515	911	3.391.932
	<b>Cộng</b>			<b>46.208.890.110</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

\* Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 632, 641, 642, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần thiết kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 21 phản ánh việc kết chuyển chi phí kinh doanh (biểu số 2.25).

**Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 21**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Số 21

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c giá vốn hàng bán quý III	911	632	44.238.865.917
2	K/c chi phí bán hàng quý III	911	641	380.468.625
3	K/c chi phí QLDN quý III	911	642	343.253.136
	<b>Cộng</b>			44.962.587.678

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

\* Căn cứ vào phiếu kế toán số 20, 21 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26):

**Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03a -DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...		...	...			
30/09	PKT20	30/09	Kết chuyển doanh thu quý III	511 515 911	46.205.498.178 3.391.932	46.208.890.110
30/09	PKT21	30/09	Kết chuyển chi phí hàng bán quý III	911 632 641 642	44.962.587.678	44.238.865.917 380.468.625 343.253.136
30/09	PKT22	30/09	Xác định thuế TNDN phải nộp quý III	821 3334	249.260.486	249.260.486
30/09	PKT23	30/09	Kết chuyển CP thuế TNDN quý III	911 821	249.260.486	249.260.486
30/09	PKT24	30/09	Kết chuyển Lãi quý III	911 421	997.041.946	997.041.946
			<b>Cộng phát sinh quý</b>		<b>60.628.964.203</b>	<b>60.628.964.203</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)



\* Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26) kế toán sổ cái TK911 (biểu số 2.27):

**Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911**

Đơn vị: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

Mẫu số S03b -DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý</b>			
30/09	PKT20	30/09	Kết chuyển doanh thu quý III	511		46.205.498.178
30/09	PKT20	30/09	Kết chuyển Doanh thu tài chính quý III	515		3.391.932
30/09	PKT21	30/09	Kết chuyển Giá vốn hàng bán quý III	632	44.238.865.917	
30/09	PKT21	30/09	Kết chuyển Chi phí bán hàng quý III	641	380.468.625	
30/09	PKT21	30/09	Kết chuyển Chi phí QLDN quý III	642	343.253.136	
30/09	PKT23	30/09	Kết chuyển CP thuế TNDN quý III	821	249.260.486	
30/09	PKT24	30/09	Kết chuyển Lãi quý III	421	997.041.946	
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		46.208.890.110	46.208.890.110
			<b>Số dư cuối quý</b>			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

\* Căn cứ vào sổ cái TK 911, kế toán xác định số lợi nhuận trước thuế

TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 22 phản ánh số thuế TNDN tạm phải nộp quý 3 như (biểu số 2.28):

**Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 22**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Số 22

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp quý III	821	3334	249.260.486
	<b>Cộng</b>			249.260.486

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

\* Căn cứ phiếu kế toán số 22 kế toán ghi sổ Nhật ký chung ( biểu số 2.26).

\* Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26) kế toán ghi sổ cái TK 821 (biểu số 2.29):

**Biểu số 2.29: Sổ cái TK 821**

**TRÍCH SỔ CÁI**

Số hiệu TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			
			...			
30/09	PKT22	30/09	Xác định thuế TNDN phải nộp quý III	3334	249.260.486	
30/09	PKT23	30/09	K/c CP TTNDN quý III	911		249.260.486
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		<b>249.260.486</b>	<b>249.260.486</b>
			Số dư cuối quý			

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

\* Căn cứ vào sổ cái TK 821 (biểu số 2.29), kế toán xác định số chi phí thuế TNDN cần kết chuyển, từ đó lập phiếu kế toán số 23 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 3 như (biểu số 2.30):

**Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 23**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Số 23

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý III	911	821	249.260.486
	<b>Cộng</b>			<b>249.260.486</b>

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

\* Căn cứ vào phiếu kế toán số 23, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như (biểu số 2.26).

\* Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26) kế toán ghi vào sổ cái TK 821 như (biểu số 2.29), sổ cái TK 911 như (biểu số 2.27)

\* Căn cứ vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.27), kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 24 phản ánh số lợi nhuận sau thuế quý 3 (biểu số 2.31):

**Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 24**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2015

Số 24

STT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi quý III	911	421	997.041.946
	<b>Cộng</b>			<b>997.041.946</b>

*(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)*

Căn cứ vào phiếu kế toán số 24, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như (biểu số 2.26).

Căn cứ sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26) kế toán ghi vào sổ cái TK 911 như (biểu số 2.27), sổ cái TK 421 như (biểu số 2.32).

**Biểu số 2.32: Sổ cái TK 421**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số S03b -DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			<b><u>1.304.335.007</u></b>
			...			
30/09	PKT24	30/09	Kết chuyển lãi quý III	911		997.041.946
			<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		<b>321.478.333</b>	<b>997.041.946</b>
			Số dư cuối quý 3			<b><u>1.979.898.620</u></b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào số cái các tài khoản, kế toán ghi vào Bảng cân đối tài khoản (biểu số 2.33):

**Biểu số 2.33: Bảng cân đối tài khoản**

Đơn vị: Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà TD Business Center,  
Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

Mẫu số S06 -DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**  
**Quý III Năm 2015**

Số hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
421	Lợi nhuận chưa phân phối		1.304.335.007	321.478.333	997.041.946		1.979.898.620
511	Doanh thu bán hàng và CCDV			46.205.498.178	46.205.498.178		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			3.391.932	3.391.932		
	...						
632	Giá vốn hàng bán			44.238.865.917	44.238.865.917		
641	Chi phí bán hàng			380.468.625	380.468.625		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			343.253.136	343.253.136		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			249.260.486	249.260.486		
911	Xác định kết quả kinh doanh			46.208.890.110	46.208.890.110		
	<b>Cộng</b>	<b>311.948.203.677</b>	<b>311.948.203.677</b>	<b>60.628.964.203</b>	<b>60.628.964.203</b>	<b>384.267.008.942</b>	<b>384.267.008.942</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

Căn cứ vào bảng cân đối tài khoản, kế toán ghi Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (biểu số 2.34):

**Biểu 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng  
**Địa chỉ:** Tầng 4. Tòa nhà TD Business Center,  
 Lô 20A - Lê Hồng Phong, Hải Phòng

**Mẫu số B02 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Quý 3 Năm 2015**

*Đơn vị tiền: đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	46.205.498.178	40.440.034.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (03=04+05+06+07)	3	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp</b>	<b>10</b>	<b>46.205.498.178</b>	<b>40.440.034.018</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	44.238.865.917	38.500.716.009
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>1.966.632.261</b>	<b>1.939.318.009</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.391.932	2.800.145
7. Chi phí tài chính	22		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8. Chi phí bán hàng	24	380.468.625	386.478.562
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	343.253.136	390.053.000
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>	<b>1.246.302.432</b>	<b>1.165.586.592</b>
11. Thu nhập khác	31		
12. Chi phí khác	32		
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.246.302.432</b>	<b>1.165.586.592</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	249.260.486	233.117.318
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>997.041.946</b>	<b>932.469.274</b>

(Nguồn trích: Phòng tài chính kế toán công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GAS PETROLIMEX HẢI PHÒNG

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng

#### 3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô sản xuất của Công ty.

+ Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Như vậy, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

+ Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, Ban Giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng,... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về hình thức kế toán:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Về hạch toán ban đầu:

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ kí của các bên liên quan tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu thực tế với số liệu sổ kế toán.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại Công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm thì Công ty cũng còn có những nhược điểm cần khắc phục trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý mà vẫn sử dụng thủ công. Vì vậy, đôi lúc vẫn chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán

- Về chính sách chăm sóc khách hàng:

Hiện nay doanh nghiệp chưa triển khai chính sách chăm sóc khách hàng. Thực tế cho thấy rằng khi các chính sách chăm sóc khách hàng được thực hiện tốt sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ, tạo dựng hình ảnh uy tín của doanh nghiệp trong khách hàng, giữ được khách hàng



quen thuộc, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp

- Về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:

Hiện tại doanh nghiệp không hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. Do đó việc hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được sát thực tế

Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Khi mà các mối quan hệ hàng hóa tiền tệ ngày càng mở rộng và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ sản xuất ra những hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng và chất lượng mà còn phải tiêu thụ được những sản phẩm dịch vụ đó một cách nhanh nhất để thu hồi vốn sớm, tạo vòng quay của vốn nhanh nhất để phát triển kinh tế doanh nghiệp nói riêng và kinh tế đất nước nói chung. Cùng với sự phát triển này, với sự đổi mới sâu sắc của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống Kế toán Việt Nam với tư cách là công cụ quản lý Kinh tế - Tài chính đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của doanh nghiệp nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý quá trình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp doanh thu, chi phí luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường, đặc biệt là tồn tại và phát triển trong bối cảnh thị trường bất động sản Việt nam gặp rất nhiều khó khăn trong những năm vừa qua. Do vậy công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng ngày càng được Công ty coi trọng.

Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng để giữ vững, phát huy và có được hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt hơn nữa cần phải xem xét, nghiên cứu, khắc phục những nhược điểm còn tồn tại

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

Mục đích kinh doanh của các doanh nghiệp là đem lại lợi nhuận tối đa với chi phí thấp nhất. Cho nên người ta không thể hoàn thiện một phương án nào đó với bất kỳ giá nào mà không quan tâm đến tính khả thi và hiệu quả của nó. Vì vậy việc hoàn thiện các nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cũng phải đảm bảo được mục tiêu này.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn,... phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành luật pháp mà còn có một vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

**Thứ nhất**, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

**Thứ hai**, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

**Thứ ba**, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán.

**Thứ tư**, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng**

Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông

tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

\* Sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh và công tác kế toán

***Kiến nghị 1: Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán***

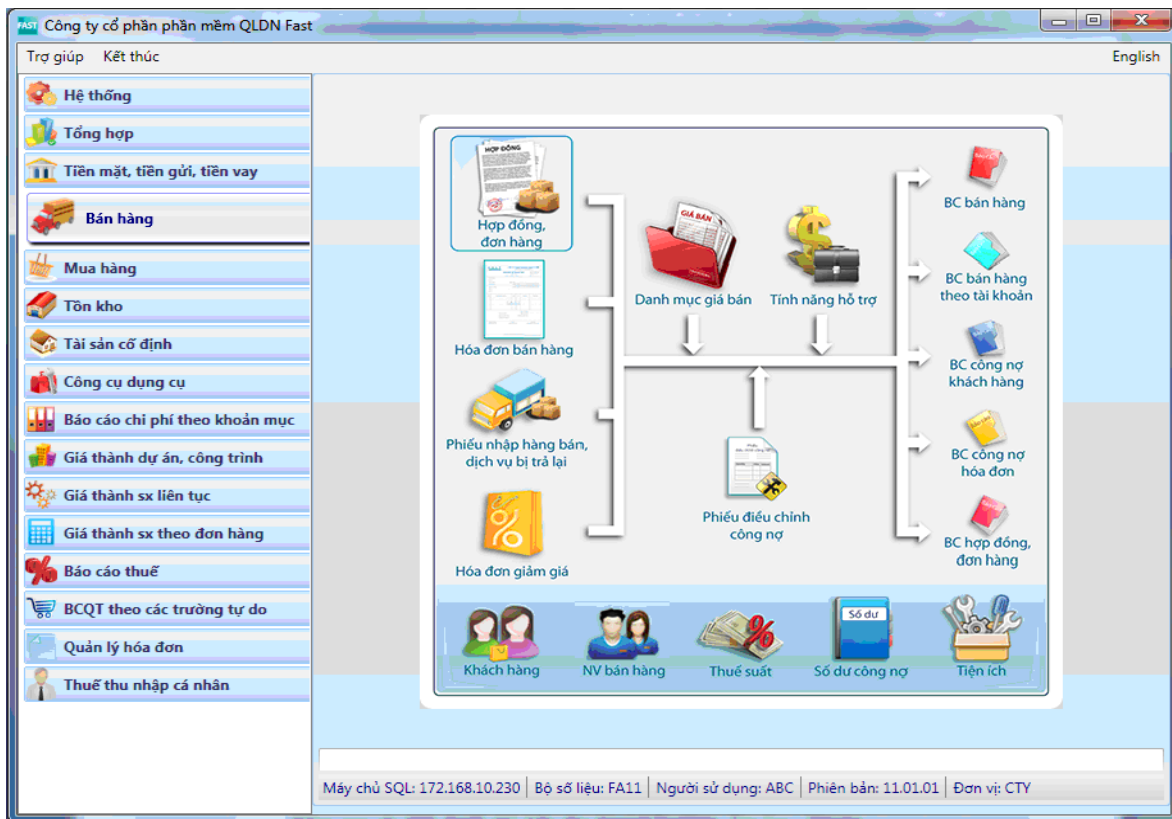
Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán VACOM.

\* Phần mềm kế toán FAST



**Hình 3.1** Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST

Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.

Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)

**\*Phần mềm kế toán MISA**



**Hình 3.2** Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA SME.NET 2015

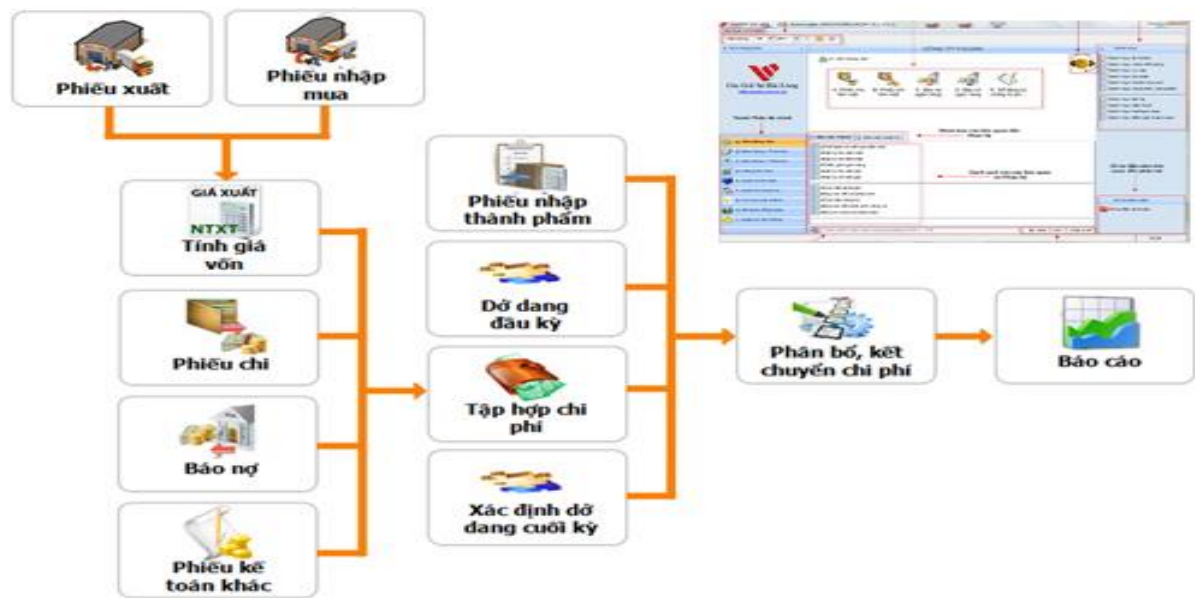
Thông tin về các gói sản phẩm của MISA: phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất với các gói sản phẩm như Express, Starter, Standard, Professional, Enterprise.

Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC). Liên hệ: [www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn).

**\* Phần mềm kế toán VACOM**



**Hình 3.3** Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy VACOM

Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.

Website: [www.vacom.com.vn](http://www.vacom.com.vn)

Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Công ty nên tham khảo trước một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu quản lý và sử dụng của Công ty.

***Kiến nghị 2: Về việc áp dụng các chính sách chăm sóc khách hàng***

Để đẩy nhanh công tác tiêu thụ sản phẩm, tạo dựng hình ảnh, uy tín của doanh nghiệp và giữ được những khách hàng quen thuộc, doanh nghiệp nên áp dụng chính sách chăm sóc khách hàng.

Công ty thực hiện chăm sóc khách hàng nhằm hướng vào thỏa mãn nhu cầu khách hàng, các lợi ích khi sử dụng sản phẩm, về giá cả, chất lượng sản phẩm, hoặc được hưởng những dịch vụ kèm theo khi sử dụng sản phẩm... Việc hài lòng về sản phẩm sẽ ảnh hưởng đến hành vi mua sau này của khách hàng.

Một số chính sách công ty về chăm sóc khách hàng:

Được ưu tiên trong việc thực hiện các điều khoản hợp đồng như là giao hàng sớm, hưởng chiết khấu, được nhận những thông tin về sự thay đổi giá cả, phương thức giao dịch... một cách sớm nhất.

Nhân những dịp như lễ kỉ niệm thành lập công ty, kỉ niệm ngày công ty và khách hàng thiết lập mối quan hệ mua bán, nên gửi thiệp và quà chúc mừng đến khách hàng để thể hiện sự quan tâm sâu sắc.

Vào những ngày lễ công ty có thể dùng những loại quà biếu đơn giản như: áo thun, áo đi mưa, túi xách... có in logo của công ty.

Khi khách hàng mua hàng liên tiếp sáu tháng sẽ được thay dây dẫn miễn phí, vệ sinh bếp miễn phí với tổng chi phí từ 300.000đ – 500.000đ.

Khi mua bình gas 12 kg trở lên được tặng nước lau bếp, nước lau sàn,...

Chăm sóc khách hàng sau khi sử dụng dịch vụ, công ty có thể gọi điện thoại chăm sóc, hỏi mức độ hài lòng của họ cũng như xin ý kiến đóng góp của khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ của công ty.

***Kiến nghị 3: Về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.***

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên:

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó sẽ giúp các nhà quản lý doanh nghiệp quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào.

**Biểu số 3.1 Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị : .....

Địa chỉ : .....

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày.....tháng.....năm....

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như (biểu số 3.2) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng, làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Sau đây em xin trình bày mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

**Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

**Đơn vị :** .....

**Địa chỉ :** .....

**Mẫu số S35-DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/09/2014 của Bộ Tài chính)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632)

- Tài khoản:

- Tên phân xưởng:

- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			.....						
			- Cộng số phát sinh trong kỳ						
			- Ghi Có TK						
			- Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khi công tác kế toán quản lý được chi tiết, cụ thể từng mặt hàng doanh thu, từng chi phí sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp sẽ quản lý được tốt hơn, đầy đủ hơn doanh thu, chi phí, hạn chế việc nhầm lẫn, sai sót gây ảnh hưởng đến việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty chưa thực sự chuẩn xác.

### **3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**

Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo các điều kiện sau:

#### **3.5.1 Về phía Nhà nước**

- Nhà Nước cần tạo điều kiện thuận lợi, tạo môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh và cho các doanh nghiệp, các cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Tạo ưu đãi cho các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh có những đóng góp lớn cho nền kinh tế đất nước. Không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

- Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế trong nước và quốc tế và phải tích cực, sớm nhanh chóng ban hành đồng bộ từ Luật đến Nghị định; Thông tư;... hạn chế thời gian ban hành cách nhau quá xa, quá lâu khiến các doanh nghiệp, các cá nhân kinh doanh gặp khó khăn trong việc thực hiện và ngay cả chính các cơ quan quản lý Nhà nước chủ quản cũng khó khăn trong việc quản lý, kiểm soát và hướng dẫn thi hành.

- Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán cũng như hệ thống chuẩn mực kế toán, tạo khung pháp lý thuận lợi để từ đó các doanh nghiệp có thể xây dựng, tổ chức hệ thống kế toán của mình. Hiện nay, hệ thống kế toán của Việt Nam vẫn đang từng bước được hoàn thiện, hệ thống chuẩn mực tiếp tục được bổ sung những chuẩn mực mới và điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường.

- Cần tăng cường các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp về công tác tổ chức hạch toán kế toán.

#### **3.5.2 Về phía doanh nghiệp**

Để phù hợp và đáp ứng các yêu cầu của cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường, đòi hỏi việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong các doanh nghiệp phải tuân thủ các điều kiện sau:

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đúng những quy định trong Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.

Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đảm bảo nguyên tắc đội ngũ nhân viên của công ty nói chung cũng như đội ngũ nhân viên kế toán của công ty nói riêng có tuổi đời khá trẻ, năng động và nhiệt tình trong công việc.

Những điều kiện trên phải được thực hiện một cách đồng bộ mới có thể tổ chức thực hiện tốt và đầy đủ được các nội dung trong công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Hy vọng Công ty sẽ xem xét, áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu quả công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty.

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp hay không.

Sau thời gian thực tập em đã tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty và nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng” đã hệ thống đầy đủ những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng như:

- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán
- Kiến nghị về chính sách chăm sóc khách hàng
- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

Do sự hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em mong các thầy, cô giáo và phòng kế toán của Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng tham gia và đóng góp ý kiến để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán tài vụ tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Đình Đỗ – Trương Thị Thủy – Nguyễn Trọng Cơ (2006), Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Học viện Tài chính.
2. Phan Đức Dũng (2007), Kế toán chi phí giá thành, NXB Thống kê.
3. Bộ Tài chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguồn số liệu kế toán tại Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.